TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày: 28 - 02 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Xuân Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Hiền
2. Bà Phan Thị Hải

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn K, sinh năm 1998, tại tỉnh Ninh Bình; hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha Đỗ Văn H, sinh năm 1974 (đã chết) và mẹ Phạm Thị L, sinh năm 1975; vợ Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1997; con Đỗ Nguyễn Quỳnh A, sinh năm 2016; tiền án: Tại bản án số 22/2017/HSST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh BRVT tuyên phạt Đỗ Văn K 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 14/8/2018;

2. Phạm Văn T, sinh năm 1986, tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Tổ X, thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha Phạm Văn H, sinh năm 1963 và mẹ Lê Thị H, sinh năm 1966; vợ Phạm Thị L, sinh năm 1994; con Phạm Văn P, sinh năm 2015; tiền án: Tại bản án số 39/2017/HSST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT tuyên phạt Phạm Văn T 16 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 28/8/2018;

3. Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1987, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; hộ khẩu thường trú: P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha Nguyễn Văn C (đã

chết) và mẹ Trần Thị Đ, sinh năm 1962; vợ Bùi Thị T, sinh năm 1990; con Nguyễn Thanh V, sinh năm 2008 và Nguyễn Thanh T, sinh năm 2011; tiền án: Tại bản án số 20/2016/HSST ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tuyên phạt Nguyễn Thanh T1 01 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 07/8/2018;

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1. Ông Phan Hoàng P, sinh năm 1993 (vắng mặt),
Địa chỉ: Tổ X, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
2. Ông Phan Bá C, sinh năm 1981 (vắng mặt),
Địa chỉ: Tổ X, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt),
Địa chỉ: Tổ X, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt),
Địa chỉ: khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
5. Ông Võ Trung T, sinh năm 1990 (vắng mặt),
Địa chỉ: Tổ X, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
6. Bà Hà Thị Mỹ H, sinh năm 1988 (vắng mặt),
Địa chỉ: Tổ X, Kp M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
7. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 (vắng mặt),
Địa chỉ: Tổ X, Kp P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
8. Ông Thạch Hoàng Thanh T, sinh năm 1994 (vắng mặt),
Địa chỉ: Tổ X, thôn V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
9. Ông Huỳnh Chí D, sinh năm 1968 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
10. Bà Dương Ngọc B, sinh năm 1987 (vợ của ông Huỳnh Chí D (vắng mặt),
Địa chỉ: khu phố N, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
11. Ông Ngô Thanh T, sinh năm 1989 (vắng mặt),
Địa chỉ: Tổ X, khu B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
12. Bà Trần Hoàng S, sinh năm 1981 (vắng mặt),
Địa chỉ: khu phố N, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm1997 (vắng mặt),
Địa chỉ: Tổ X, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
2. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1968 (vắng mặt),
Địa chỉ: Tổ X, thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh T1, Phạm Văn T và Đỗ Văn K có mối quan hệ bạn bè quen biết ngoài xã hội với nhau, là những đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Để có

tiền tiêu xài, T1, K và T rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 6 năm 2018, T1, K và T đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã P, Bà Rịa – Vũng Tàu cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 18 giờ, ngày 06/08/2018, khi T1 đang ở nhà vợ thuộc ấp M, phường M, thị xã P thì K điện thoại rủ đi trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thị xã P, T1 đồng ý. T1 đợi K ở ngoài ngã tư Việt Kiều được khoảng 15 phút thì K điều khiển xe mô tô loại Winner màu đen (xe của vợ K đứng tên chủ sở hữu) đến đón T1, rồi T1 điều khiển xe mô tô chở K đi lòng vòng, khi đi đến khu vực cổng vòm đường 46, kp V, phường P, thị xã P thấy có 01 xe mô tô biển số 72 F1-571.87 hiệu Yamaha, loại xe Exciter màu cam đen của anh Phan Hoàng P, SN: 1993, HKTT: tổ X, ấp T, xã C, thị xã P, BR-VT, đang dựng bên hông của quán cà phê "Đen'S" không có người trông coi nên K nói T1 dừng xe lại để T1 đi đến chiếm đoạt chiếc xe nói trên. T1 dừng xe mô tô cách quán cà phê khoảng 50m để cho K xuống xe đi bộ lại chỗ chiếc xe mô tô Exciter rồi K lấy một cây đoản dài khoảng 10cm từ trong túi quần ra bẻ ổ khóa xe Exciter làm đèn xe mô tô sáng. Còn T1 lúc này điều khiển xe mô tô chạy lên phía trước để cảnh giới người qua lại cho K chiếm đoạt xe mô tô. Khoảng 2 phút sau K lấy được chiếc xe mô tô Execiter chạy lên chỗ T1 rồi mỗi người điều khiển một chiếc xe mô tô chạy đến Kp M, phường M cất giấu chiếc xe. Sau khi cất giấu, K điện thoại cho Phạm Văn T nói "vừa chiếm đoạt được chiếc xe Exciter có chỗ nào bán dùm không", nghe K nói vậy T đồng ý tìm người mua dùm xe mô tô cho K. Khoảng 30 phút sau T điện thoại lại cho K và nói chiếc xe Exciter mà K chiếm đoạt được là người quen của T và người ta đồng ý chuộc lại chiếc xe với giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng). K và T1 không đồng ý, mà ra với giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), nghe K nói vậy T nói 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) được không, nghe T nói như vậy thì K điện thoại hỏi T1, T1 nói K muốn bán bao nhiêu cũng được, nói xong T1 đi nhậu với bạn, K điện thoại lại cho T và nói T1 đồng ý cho chuộc xe với giá 14.000.000đ và K hẹn T đến trước cổng chùa Đại Tòng Lâm để chuộc xe. K điều khiển chiếc xe mà trộm được ở quán cà phê "Đen'S" chạy đến cổng chùa Đại Tòng Lâm đợi T, đứng đợi được khoảng 30 phút không thấy T đến, K điện thoại cho T thì T nói "đang ở Châu Pha chờ thằng em lo đủ tiền thì mới chạy lên chuộc xe được", nghe T nói vậy K điều khiển xe chạy về nhà vợ của T1 cất giấu rồi về nhà của mình. Đến ngày 07/8/2018, T1 bị cơ quan CSĐT công an thị xã Ptriệu tập lên làm việc, qua làm việc T1 đã thừa nhận hành vi trộm cắp của mình như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 92/KL-HĐĐG-TTHS ngày 21/08/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P, kết luận: 01 xe mô tô biển số 72 F1-571.87 hiệu Yamaha, loại xe Exciter có giá trị là: 46.550.000đ (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Ngày 14/08/2018, Đỗ Văn K đến cơ quan CSĐT Công an thị xã Pđể đầu thú và khai nhận việc K cùng với T1 thực hiện vụ trộm cắp tài sản vào ngày 06/08/2018 nói trên, ngoài ra K còn khai nhận thêm việc K đã cùng với Phạm Văn T tham gia thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản và 5 vụ Cướp giật tài sản trên địa bàn thị xã P.

Ngày 28/08/2018 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Ptriệu tập Phạm Văn T lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra T, K đã khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Vụ thứ 2: Vào khoảng 9 giờ, ngày 26/04/2018, T và K rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Lúc đi K điều khiển xe mô tô hiệu Winner, biển số: 72E1-566.04 chở T đi đến tiệm bán đồ gia dụng ở đối điện chùa Đ thuộc phường P, T đi vào trong tiệm mua (01) một mỏ lết và 01 (một) xà beng nhỏ (Mục đích để đi cậy cửa nhà dân) sau đó K điều khiển xe mô tô chạy lòng vòng xung quanh khu vực phường P để tìm kiếm có ai sơ hở tài sản để vào chiếm đoạt, nhưng không có, vì vậy T nói K điều khiển xe mô tô chạy xuống phường P xem có ai sơ hở thì chiếm đoạt tài sản. Khi đi ngang qua một con hẻm ở P chạy vào trong khoảng 500m thấy nhà anh Trần Văn T (Sn: 1989, HKTT: tổ X, kp T, phường P, thị xã P) khóa cửa, nhà không có cửa cổng, K liền dừng xe mô tô lại cách nhà anh T khoảng 30m và đứng ở ngoài cảnh giới, còn T cầm theo (01) một mỏ lết và 01 (một) xà beng nhỏ đi lại phía sau nhà anh T leo rào vào bên trong nhà rồi dùng xà beng và mỏ lết cạy cửa sau nhà anh T nhưng không được nên T dùng mỏ lết đập bể kính cánh cửa sau rồi đưa tay vào bên trong để dùng mỏ lết bẻ khóa trong lúc bẻ khóa cửa bên trong, tay của T bị kính cắt vào cánh tay làm chảy máu, T đi lại chỗ dây phơi đồ lấy cái áo thun quấn vào tay để không chảy máu nữa, sau đó T vào trong nhà, đi lên phòng khách thấy có 01 (một) tivi màu đen-xám loại 43 inches, hiệu Sony, T đi vào trong phòng ngủ lục trong tủ nhựa thấy có tiền khoảng từ 4 triệu, toàn tiền tờ 200.000đ Việt Nam và 01 (một) máy ảnh hiệu Canon, sau đó T dùng tay nhấc 01 tivi hiệu Sony ra sát hàng rào rồi gọi K vào khiêng ti vi ra vì T bị đau tay không khiêng được. Trên đường đi về gần tới nhà bố mẹ K, thấy có vườn tràm, K liền ném xà beng và mỏ lết vào bên trong vườn tràm. Sau khi mang ti vi về K nói T bán lại cho K với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng), còn số tiền mà lấy được trong nhà anh T thì T không nói cho K biết nên không chia cho K. Chiếc máy ảnh T đem đến tiệm sửa chữa máy ảnh "C" ở phường P, thành phố Bà Rịa để sửa.

Cơ quan CSĐT căn cứ vào lời khai của anh Trần Văn T để trưng cầu giám định tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 92/KL-HĐĐG-TTHS ngày 26/04/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P, kết luận: số tài sản mà T và K chiếm đoạt vào ngày 26/04/2018 là: 01(một) ti vi hiệu Sony W750D-43inch, màu đen có giá trị: 10.320.000đ (Mười triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng); còn chiếc máy ảnh hiệu Canon do trước đó anh T không khai báo và máy bị hư nên Cơ quan CSĐT không có tiến hành trưng cầu giám định.

Vụ thứ 03: Vào khoảng 17 giờ, ngày 22/05/2018, K điều khiển xe mô tô loại Winner, mang biển số: 72E1-566.04 chở T đi lòng vòng xung quanh khu vực kp P, phường M, thị xã P để tìm tài sản sơ hở của người dân chiếm đoạt. khi đi đến nhà anh Nguyễn Văn P (Sn: 1983, HKTT: tổ X, Kp P, phường M, thị xã P) thấy xe mô tô loại Sirius màu đỏ, đen mang biển số 72E1-318.06 dựng ở dưới lề đường và một chiếc xe mô tô loại xe tay ga dựng trên vỉa hè ở trước nhà anh P đang xây dựng. K điều khiển xe chạy ra phía trước ngôi nhà cách khoảng 100m dừng xe mô tô, rồi K đi bộ lại chỗ nhà anh P, còn T thì đứng ngoài cảnh giới. Lúc này K đi bộ lại nhà anh P thấy chỉ còn thấy chiếc xe Sirius của anh P dựng ở ngoài lề đường, K nhìn vào bên

trong nhà không thấy người, ở trên lầu thì thấy thợ đang làm, thấy vậy K dùng cây đoản mang theo, phá ổ khóa xe mô tô của anh P, sau đó nổ máy xe chạy về nhà cất giấu. T thấy K lấy được xe thì cũng chạy theo phía sau K. Đến tối K điện thoại cho Nguyễn Thanh T1 nói "có chiếc xe loại Sirius thằng bạn đánh bài thua nên cần bán xe mày xem có ai mua không" đến trưa ngày hôm sau Nguyễn Thanh T1 dẫn một người tên N (chưa xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể) tới mua xe và K bán với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Số tiền này K và T chia đôi.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 168/KL-HĐĐG-TTHS ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P kết luận: Chiếc xe mà T và K chiếm đoạt vào ngày 22/05/2018 có giá trị là: 14.700.000đ (Mười bốn triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Vụ thứ 04: Khoảng 17 giờ ngày 26/ 05/2018, T đi bộ ngang qua công ty Đá Q ở Kp M , phường M , thị xã P, BR-VT khoảng 200m thấy nhà của chị Hà Thị Mỹ H (Sn: 1988, HKTT: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh BR-VT, tạm trú: Kp M, phường M, thị xã P, BR-VT) khóa cửa, nhà không có cửa cổng, thấy vậy T liền đi vào phía sau nhà thấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Luvias, màu tím, đen, mang biển số: 72F1-008.20, T đi lại gần thấy có một ngăn đựng đồ ở trước xe có để một đôi bao tay của phụ nữ, ở dưới bao tay có chìa khóa xe mô tô, T lấy chìa khóa cắm vào xe mô tô rồi đề xe nhưng không thấy nổ nên T dắt xe mô tô ra khỏi cổng nhà của chị H thì thấy K chạy ngang qua rồi dừng lại (Vì trước khi đi vào trong nhà chị H để trộm cắp tài sản T thấy K chạy ngang qua và K cũng thấy T nhưng T và K không ai gọi ai cả) rồi K đẩy xe mô tô đi cất giấu ở lô cao su. Đến hôm sau T bán cho Nguyễn Thanh Khiêm, tên gọi khác: T (Sn: 1985, HKTT: Kp T, phường M, thị xã P, BR-VT) với giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), bán xong T cho K 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 169/KL-HĐĐG-TTHS ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P, kết luận: Chiếc xe mà T chiếm đoạt vào ngày 26/5/2018 có giá trị là: 10.800.000đ (Mười triệu, tám trăm ngàn đồng).

Vụ thứ 05: Khoảng 14 giờ một ngày trong tháng 5/2018 K điều khiển xe mô tô loại Winner, mang biển số: 72E1-566.04 chở T chạy lòng vòng xung quanh khu vực phường M, thị xã P, BR-VT mục đích để tìm tài sản sơ hở của người dân để trộm cắp, lúc này K điều khiển xe mô tô chạy vào một con đường hẻm thuộc kp M, phường Mn khoảng 50m thấy có dãy phòng trọ nằm bên phải thấy xe mô tô loại Wave, màu bạc mang biển số: 72E1-030.48 của anh Ngô Thanh T (Sn: 1989,HKTT: tổ 7, Kp B, phường M, thị xã P, BR-VT) đang dựng ở trong sân phòng trọ, cổng ra vào phòng trọ không khóa và không có người trông coi, K thấy vậy dừng xe lại và đi vào bên trong sân thấy bánh trước xe mô tô được khóa bằng sợi xích bằng ổ khóa màu vàng nên K đi ra nói với T giờ chạy đi mua kìm cắt để cắt xích khóa. T điều khiển xe mô tô chở K chạy ra tiệm bán hàng gia dụng ở ngoài đường rồi T đi vào mua một kìm cắt sắt, sau đó K, T đi lại vào trong dãy phòng trọ, lúc này T đi vào bên trong dùng kìm cắt sợi xích xong thì T đi ra và nói với K "xe bị khóa cổ xe" nghe T nói vậy K đi vào lấy cây đoản trong túi quần, rồi bẻ ổ khóa sau đó K dắt xe ra khỏi cổng phòng trọ khoảng một đoạn nổ chạy đi về tới cổng giáo xứ P, K giao xe mô tô cho T mang đi bán, T điều khiển xe Wave trên chạy đến chợ TP Bà Rịa bán chiếc xe trên cho một người tên

Hoàng (bán trái cây dạo ở chợ, không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Số tiền này, K và T chia đôi, mỗi người 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 165/KL-HĐĐG-TTHS ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P, kết luận: Chiếc xe mà T và K chiếm đoạt vào ngày 22/05/2018 có giá trị là: 10.058.000đ (Mười triệu, không trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Vụ thứ 06: Vào khoảng 13 giờ, ngày 27/05/2018 K điều khiển chiếc xe mô tô hiệu Winner biển số: 72E1-566.04 chở T đi xung quanh khu vực Phường M để tìm tài sản sơ hở của người dân để trộm cắp, lúc này K điều khiển xe mô tô chạy vào một con đường nhựa, khi đi đến nhà bà nội của anh Thạch Hoàng Thanh T (Sn: 1994, HKTT: tổ X, Kp V, phường P, BR-VT) thấy chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu trắng - đen mang biển số: 72E1-075.48 của anh T dựng ở ngoài sân không có người trông coi, thấy vậy K điều khiển xe mô tô chạy qua nhà bà nội của anh T khoảng 20 m dừng xe lại và nói T đứng ở ngoài cảnh giới người qua lại còn K đi vào bên hông hàng rào của ngôi nhà rồi trèo tường vào bên trong nhà. Khi vào trong sân nhà K thấy trên xe mô tô của anh T có để chìa khóa xe ở trong nón bảo hiểm, K lấy chìa khóa cắm vào xe và mở khóa, sau đó K dắt xe mô tô ra đến đường nổ máy xe chạy đi. T thấy K lấy được xe thì liền điều khiển xe mô tô chạy theo K. Sau đó K điều khiển xe mô tô chạy vào khu vườn tràm ở gần chùa P có ngôi nhà hoang cất giấu xe. Đến tối K điện thoại cho Nguyễn Thanh T1 nói "tao vừa siết nợ chiếc xe Sirius màu trắng, mày xem có ai mua không" ngày hôm sau Nguyễn Thanh T1 đến nhà K hỏi mua xe và K bán xe cho T1 với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng), số tiền bán được K và T chia đôi, mỗi người 1.500.000đ (một triệu, năm trăm ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 166 /KL-HĐĐG-TTHS ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P, kết luận: Chiếc xe mà T và K chiếm đoạt vào ngày 25/07/2018 có giá trị là 11.500.000đ (Mười một triệu, năm trăm ngàn đồng).

Vụ thứ 07: Khoảng 18 giờ, ngày 02/06/2018, do hết tiền tiêu xài, K điều khiển xe mô tô loại Winner, mang biển số: 72E1-566.04 chở T đi lòng vòng xung quanh khu vực địa bàn thị xã P, BR-VT để tìm tài sản trộm cắp, khi đi đến kp T, phường P thấy một dãy phòng trọ, K điều khiển xe chạy qua thấy có một chiếc xe SIRIUS màu đỏ đen, mang biển số: 72E1-190.63 của anh Huỳnh Chí D (Sn: 1968, HKTT: thôn P, xã T, thị xã P) dựng xe ở trước dãy hành lang của phòng trọ, không có người trông coi, thấy vậy K điều khiển xe chạy qua dãy phòng trọ khoảng 20m dừng xe lại, sau đó K đi bộ đến dãy phòng trọ, còn T đứng ngoài cảnh giới. Khi K đến phòng trọ đầu tiên thấy đóng cửa, nhìn vào bên trong phòng có người đang nằm coi ti vi nên K liền dắt chiếc xe mô tô loại Sirius ra và thả dốc cho xe mô tô chạy xuống, sau đó K dùng cây đoản lấy từ trong túi quần ra bẻ ổ khóa xe, sau đó nổ máy chạy về nhà bố mẹ K cất giấu. Khoảng 2 ngày sau T mang xe đi bán cho một người tên G ở KCN M B1 với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng), số tiền này T và K chia đôi, mỗi người 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 167/KL-HĐĐG-TTHS ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P, kết luận: Chiếc xe mà T và K chiếm đoạt vào ngày 02/06/2018 có giá trị là: 13.200.000đ (Mười ba triệu, hai trăm ngàn đồng).

Vụ thứ 08: Khoảng 23 giờ, ngày 12/06/2018, do hết tiền nên T và K rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Lúc đi K và T mang theo 01(một) mỏ lết và 01(môt) kìm cắt sắt, K điều xe mô tô loại Winner, mang biển số: 72E1-566.04 chở T đi lòng vòng ở xung quanh khu vực phường M, thị xã P, BR-VT, khi điều khiển chạy xe đến kp T, phường M thấy một con đường đất nhỏ nằm phía bên tay phải, K điều khiển xe chạy vào bên trong khoảng 100m thì thấy nhà anh Nguyễn Văn H (Sn: 1988, HKTT: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, tạm trú: Kp T, phường M, thị xã P, BR-VT) khóa cửa ngoài, không có người trong nhà nên K dừng xe, để T đi lại cửa ra vào của nhà anh H rồi dùng kìm cắt sắt mang theo cắt ổ khóa cửa nhưng kìm cắt sắt bị hư nên T và K sau đó dùng mỏ lết và thay nhau bẻ khoen cửa. Khoảng 10 phút thì khoen cửa bị bẻ gãy, T đi vào bên trong lục đồ đạc trong nhà, còn K đi ra ngoài xe để cảnh giới người. Lúc này T lục trong nhà lấy được 01 (một) máy tính xách tay, 01(một) dây sạc máy tính, 01 (một) mặt dây chuyền vàng, 01 (một) nhẫn vàng và 02 (hai) cái camera (trong đó có 01 cái đang hoạt động, 01 cái còn trong hộp), 01 (một) đôi giày thể thao, 01(một) nhẫn bằng đồng có hình con rồng, lấy xong T mang ra ngoài rồi K chở T trốn thoát. Trên đường đi đoạn vào ngã ba M thì K quăng bỏ 02 (hai) cái camera xuống đường, sau đó K, T đi về nhà bố mẹ vợ của K ngủ. Đến ngày hôm sau K chở T đi vào chợ Ngọc Hà, phường Pgặp một người đàn ông không biết tên (mà trước đó K quen trong tiệm nét) bán 01 (một) máy tính xách tay với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng). Sau khi bán máy tính xong, T lấy xe mô tô của K mang 01 (một) mặt dây chuyền vàng, 01(một) nhẫn vàng đem đến tiệm vàng "Đ" thuộc Kp Ô, phường T, thị xã P, BR-VT bán được 1.600.000đ (một triệu sáu trăm ngàn đồng). Toàn bộ số tiền bán được gồm máy tính xách tay và vàng được: 2.600.000đ (Hai triệu, sáu trăm ngàn đồng) T và K chia mỗi người 1.300.000đ (một triệu, ba trăm ngàn đồng). Còn chiếc nhẫn đồng có hình rồng thì K sử dụng nhưng hiện nay đã làm mất, còn đôi giầy thể thao T đi được mấy hôm thì bị rách và vứt bỏ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 172/KL-HĐĐG-TTHS ngày 15/11/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P, kết luận: số tài sản mà K và T chiếm đoạt vào ngày 12/06/2018 là: 01(một chiếc máy tính xách tay hiệu Asus có giá trị: 5.520.000đ (Năm triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng), 01(một) nhẫn nữ hình bông mai, có trọng lượng 0,8 chỉ vàng 18K có giá trị: 2.198.800đ(Hai triệu, một trăm chín mươi tám ngàn đồng), 01(một) mặt dây chuyền hình trái tim có trọng lượng 0,5 chỉ vàng 18K có giá trị: 1.373.750đ (Một triệu, ba trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng. Riêng về 02(hai) mắt camera và đôi dây, nhẫn làm bằng đồng do người bị hại không nhớ tên hiệu gì nên không đủ cơ sở để Cơ quan CSĐT trưng cầu giám định tài sản.

Vụ thứ 09: Vào khoảng 8 giờ, ngày 24/06/2018, T bắt xe ô tô đi từ TP Bà Rịa đến cổng Chùa Đ thuộc phường P, thị xã P, điện thoại cho K tới chở. Trong khi chờ K tới đón, T đi lại tiệm bán đồ gia dụng ở đối diện với chùa Đ mua một kìm cắt sắt, có cán màu xanh, dài khoảng 60cm (mục đích để đi cắt khóa cửa nhà dân để trộm cắp tài sản), khoảng 5 phút sau K đi xe mô tô tới, lúc này T rủ K đi lòng vòng xung quanh các con đường ở phường P xem có nhà người dân nào để tài sản sở hở để trộm cắp, nghe T nói vậy K đồng ý, lúc này K điều khiển xe chạy đến đường liên

thôn thuộc Kp T, Phường P, thị xã P thì T nói K xem chỗ nào có bụi cây để cất giấu cây kìm cắt sắt, K điều khiển chạy đến bụi cây nằm bên phải dừng xe lại để cho T cất kìm cắt sắt cũng vừa lúc này vợ K có điện thoại nên K chở T đến quán cà phê ở đường 80 cũng thuộc kp T, phường P uống cà phê còn K chạy về nhà. T ngồi uống cà phê đến khoảng hơn 10 giờ trưa thì điện thoại cho K nhưng do K bận không ra được nên T mới đi bộ từ quán cà phê đi lại con đường liên thôn thuộc Kp T, phường P thấy nhà anh Võ Trung T (Sn: 1990, HKTT: tổ X, kp T, phường P, thị xã P, BR-VT) khóa cửa, nhà không có cửa cổng. T đi bộ lại chỗ bụi cây mà lúc trước đã "cất giấu kìm cắt sắt" lấy cây kìm cắt sắt rồi đi lại nhà anh T dùng kìm cắt sắt, cắt ổ khóa cửa, sau đó T vào nhà lục lọi đồ đạc và lấy 02 (hai) chiếc điện thoại IPHONE bị bể màn hình và 01 (một) cái loa Karaoke, hiệu Phú Lộc, Rinton PL05và một chiếc xe MAX, màu tím, mang biển số: 51T1-5487. T dắt xe mô tô ra rồi đem chiếc loa Karaoke để lên xe mô tô chở đi về nhà bố mẹ vợ của K ở Kp M, phường M, thị xã P, BR-VT. Sau đó T bán chiếc loa trên cho K với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng) còn chiếc xe Max và 02(hai) chiếc điện thoại T giấu vào bụi tràm. Sáng hôm sau T bán chiếc xe mô tô trên cho Nguyễn Thành K với giá 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 171/KL-HĐĐG-TTHS ngày 12/11/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P, kết luận: số tài sản mà T chiếm đoạt vào ngày 24/06/2018 gồm: 01 (một) xe mô tô hiệu KaWasaki loại Max II, biển số: 51T1-5487 có giá trị: 2.000.000đ (Hai triệu đồng), 01 (một) loa kéo Karaoke có giá trị 8.860.500đ (Tám triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng). Riêng 02(hai) chiếc điện thoại di động, người bị hại khai báo là bị hư hỏng, không sử dụng được nên Cơ quan CSĐT không tiến hành trưng cầu giám định.

Vụ thứ 10: Vào khoảng 17 giờ, ngày 24/06/2018, K đi đón con ở nhà mẹ ruột thuộc Kp V, phường P, thị xã P, BR-VT về nhà vợ ở M, khi đi ngang qua nhà chị Hà Thị Mỹ H (Sn: 1988, HKTT: ấp X, xã X, huyện C, BR-VT, tạm trú: Kp M, phường M, thị xã P) phát hiện thấy nhà đóng cửa, không có người trong nhà, sau đó K đón con về nhìn vào cũng thấy khóa cửa, không có người ở trong nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp. K chở con về nhà bố mẹ vợ K, thấy T đang ngồi nói chuyện với bố vợ K nên gọi T lại và nói "ngôi nhà mà trước đây mày vào chiếm đoạt xe Luvias hiện không có người ở nhà đi đâu từ chiều đến giờ chưa về, coi tối nếu đi qua lần nữa không có người ở nhà thì đột nhập vào trong nhà chiếm đoạt" nghe K nói vậy T đồng ý. Đến khoảng 22 giờ, K đi vào nhà kho của nhà bố mẹ vợ, lấy 01 (một) xà beng, 01(một) mỏ lết và 01(một) tuốc lơ vít, còn T đi ra vườn tràm dắt chiếc xe mô tô hiệu Max (mà trưa này T vừa chiếm đoạt nhà của anh Võ Văn T) chờ K ở ngoài, khoảng 5 phút K đi ra ngồi lên xe T điều khiển xe chạy đến gần nhà chị Hà Thị Mỹ H, T dừng xe lại và dắt xe mô tô cất giấu ở trong vườn cây xà cừ gần đó. Sau đó T và K đi vòng phía sau nhà chị H khi đi tới hàng rào, K leo hàng rào phía sau nhà vào trong nhà trước, còn T ở ngoài đưa xà beng và mỏ lết, tuốc vít cho K rồi mới leo rào vào sau. Lúc này K dùng xà beng cậy cửa sắt phía sau nhà chị H nhưng không được nên K và T dùng tuốc lơ vít mang theo tháo bung ổ khóa cửa phái sau ra nhưng cửa không mở được. Thấy không mở cửa phía sau được K và T đi lại phía trước cửa nhà lấy xà beng

cậy cửa cũng không bung ra được nên K và T lại đi ra bên hông nhà thấy có cửa sổ, lúc này T dùng xà beng cậy bung cánh cửa sổ bên hông ra, rồi tiếp đó T dùng mỏ lết bẻ gẫy song cửa sổ, T chui vào trong nhà, khi thấy T chui vào bên trong nhà xong, K cũng chui vào trong nhà, thấy T đang lục lọi phòng ngủ nên K cũng vào phòng ngủ lục lọi nhưng không có tài sản gì hết, K mới đi xuống đường sau nhà bếp thấy có cầu thang đi lên gác, K đi lên thấy có tủ sắt để trên, K mở tủ đang lục lọi thì T đi lên thấy có một bao lì xì màu đỏ nằm ở sát tủ, T cầm lên thấy bên trong có tiền nên T bỏ vào túi quần, tiếp đó T dùng mỏ lết phá ổ khóa tủ sắt ngăn cuối ra thấy bên trong có 02 (hai) hộp nhựa, mỗi một hộp đựng một nhẫn của em bé loại vàng 18K và 01 sợi dây truyền bằng vàng 18K, 1 (một) nhẫn cưới loại vàng 18K, 01 (một) đôi bông tai nữ vàng 18K, 01 (một) đôi bông tai nữ bằng bạc rồi T bỏ hết vào túi quần, còn 03 máy tính xách tay, K thấy trong nhà có một ba lô nên lấy bỏ 3 máy tính vào bên trong ba lô. Sau khi chiếm đoạt tài sản ở trên gác xong K và T đi lên phòng khách, T dùng xà beng nậy bung ổ khóa ở thắng đĩa xe mô tô hiệu Visson rồi dắt xe mô tô đi ra phía sau nhà, lúc này T bật chìa khóa xe lên thì xe mô tô có còi hú chống trộm kêu lên K và T vội vàng leo rào chạy bộ ra chỗ cất giấu chiếc xe mô tô Max lấy xe rồi điều khiển xe chạy về nhà bố mẹ vợ K. Khi về đến nhà K, T cùng kiểm tra trong bao lì xi đếm được khoảng 7.000.000 đồng và chia đôi số tiền trên ra. Đến sáng hôm sau T mang số vàng trên đến tiệm vàng "P" ở Lô A, chợ C, xã T, thị xã P, BR-VT bán được 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) còn 3 máy tính bán cho một người đàn ông bán dạo ở chợ TP Bà Rịa (không quen biết) được 8.000.000đ (tám triệu đồng) số tiền này K và T chia đôi mỗi người được 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm ngàn đồng).

Ngay sau khi phát hiện bị mất tài sản chị Hà Thị Mỹ H đã đến cơ quan trình báo cơ quan Công an, sau đó Cơ quan CSĐT đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và tiến hành trưng cầu định giá tài sản theo lời của chị H khai báo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 173/KL-HĐĐG-TTHS ngày 15/11/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P, kết luận: số tài sản mà T và K chiếm đoạt vào ngày 24/06/2018 là: 01(một) máy tính hiệu HP màu bạc có giá trị: 13.440.000đ, 01 (một) máy tính xách tay hiệu Dell Core I3, màu đen có giá trị: 3.600.000đ (Ba triệu, sáu trăm ngàn đồng), 01 (một) máy tính xách tay hiệu Dell Core I7 màu bạc có giá trị: 19.200.000đ (Mười chín triệu, hai trăm ngàn đồng), 01 (một) sợi dây chuyền 2 chỉ vàng 24K có giá trị 7.202.000đ (Bảy triệu, hai trăm lẻ hai ngàn đồng), 12 (Mười hai) chỉ vàng 24K có giá trị 43.212.000đ (bốn mươi ba triệu, hai trăm mười hai ngàn đồng), 02 (hai) hoa tai bằng vàng 24K có giá trị 3.601.000đ (Ba triệu, sáu trăm lẻ một ngàn đồng) và 01 (một) lắc tay bằng vàng 24K có giá trị 7.202.000đ (Bảy triệu, hai trăm lẻ hai ngàn đồng).

Vụ thứ 11: Vào khoảng 16 giờ vào ngày 01/08/2018, T điều khiển xe mô tô loại PCX màu trắng (không rõ BKS) chạy đến nhà vợ của K ở kp M, phường M, thị xã P chơi, sau đó K rủ T đi đến nhà một người tên Mỹ ở kp P, phường M, TX P, BR-VT để đòi nợ, T đồng ý. T lấy xe mô tô chở K đi đến nhà Mỹ nhưng không gặp nên T chở K quay về nhà.Trên đường đi ngang qua nhà anh Phan Bá C (Sn: 1981, trú tại kp P, phường M), K thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Winner biển số: 72E1-410.03, màu xanh, đỏ, đen dựng ở trước sân, cửa cổng không đóng và không

có người. Thấy vậy K liền dừng xe mô tô lại nói với T ở ngoài cảnh giới người qua lại để cho K vào chiếm đoạt. Sau đó K đi vào trong sân nhà anh C thấy anh C đang nằm ngủ, xe mô tô thì cắm chìa khóa sẵn trên xe. Lúc này K liền dắt chiếc xe mô tô đi ra khỏi nhà khoảng 30m và nổ máy xe chạy về nhà vợ của K cất giấu. Đến khoảng mấy ngày sau T nói với K để lại chiếc xe Winner cho T đi, K đồng ý bán lại cho T với giá 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 93/KL-HĐĐG-TTHS ngày 22/08/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P, kết luận: số tài sản mà T và K chiếm đoạt vào ngày 01/08/2018 có giá trị là: 40.800.000đ (Bốn mươi triệu, tám trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, T và K còn khai nhận hành vi cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 19 giờ, vào một ngày tháng 4/2018 (không nhớ rõ ngày) K và T đang ở nhà bố mẹ vợ của K ở kp M, phường M, thị xã P, BR-VT, do lúc này hết tiền nên K và T rủ nhau đi lòng vòng xem ai sở hở tài sản hay người phụ nữ nào đi trên xe đeo dây chuyền để giật. Lúc này K lấy xe mô tô loại Winner, biển số: 72E1-566.04, chở T đi lòng vòng xung quanh khu vực phường M, thấy không có ai để tài sản sơ hở nên K điều khiển xe mô tô chạy vào hướng chợ N, thuộc khu phố N, phường P, thị xã P rồi điều khiển xe chạy khoảng được một cây số thấy chị Trần Hoàng S (Sn: 1981, HKTT: Kp N, phường P, thị xã P, BR-VT) mặc áo thun, màu đen không có cổ áo đang đi bộ tập thể dục ở dưới lề đường, lúc này K liền điều khiển xe mô tô chạy qua người chị S thấy trên cổ chị S có đeo sợi dây chuyền, do lúc này có nhiều người qua lại K không dám giật nên K mới dừng xe mô tô lại để cho T chở, lúc này T điều khiển xe mô tô chạy phía sau chị S để chờ cơ hội giật, T điều khiển xe chạy theo phía sau chị S được một vòng. Khi này thấy chị S đi bộ đến ngã tư đường, ở phía sau và phía trước đường không có người qua lại nên K nói T điều khiển xe mô tô chạy áp sát vào người chị S đang đi bộ. Khi thấy T áp sát xe vào người chị S, K liền dùng tay phải giật sợi dây chuyền của chị S, làm sợi dây chuyền đứt và cổ áo mặc trên người chị S cũng bị rách, khi bị giật sợi dây chuyền chị S la lên "cướp cướp" thì người dân ở gần đó chạy ra xem. T thấy K giật được sợi dây chuyền xong, liền điều khiển xe mô tô chạy thẳng đến ngã tư phía trước rồi rẽ phải chạy ra chợ N, trên đường đi về K nói với T "tao giật được sợi dây chuyền màu trắng chứ không phải sợi dây chuyền màu vàng và giật đến nỗi áo của người phụ nữa bị rách ở cổ áo". Đến ngày hôm sau, K mang sợi dây chuyền trắng và một đoạn sợi dây chuyền vàng mà trước đó K và T giật của người phụ nữ ở gần chùa "K" kp V, phường P, thị xã P mang đến tiệm vàng "P" ở chợ C thuộc xã Tân H, thị xã P bán được 3.000.000đ sau đó K và T chia đôi số tiền mỗi người được 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 175/KL-HĐĐG-TTHS ngày 15/11/2018 của Hội đồng định giá UBND thị xã P, kết luận: số tài sản mà T và K chiếm đoạt vào tháng 04/2018 có giá trị là: 9.002.000đ (Chín triệu, không trăm lẻ hai ngàn đồng).

Quá trình điều tra, T và K khai nhận còn thực hiện thêm 04 vụ cướp giật tài sản khác trên địa bàn TX P, tuy nhiên đến nay cơ quan CSĐT công an TX P vẫn chưa xác định được người bị hại của những vụ cướp giật tài sản nói trên. Do vậy cơ

quan điều tra đã ra thông báo truy tìm người bị hại, khi nào có cơ sở sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị hại trong các vụ trộm cắp tài sản, sau khi làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo, Cơ quan CSĐT đã mời các bị hại lên để củng cố thêm tài liệu chứng cứ phục vụ cho công tác điều tra. Tuy nhiên người bị hại là chị Hà Thị Mỹ H "trong vụ thứ 10", trình báo ngày 25/062018 tại nhà chị bị mất những tài sản: 01(một) máy tính hiệu Dell, màu đen, Core I 3, 01(một) máy tính xách tay hiệu Dell, màu đen, Core I7, 01 (một) máy tính xách tay hiệu Hp, 01 (một) đôi bông tai bằng vàng 24K, 01(một) vòng đeo cổ bằng vàng 24K, 01 (một) dây chuyền bằng vàng 24K, 01 (một) vòng lắc tay bằng vàng 24K, 07 (bảy) chỉ vàng 24K và 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Nhưng các bị cáo không thừa nhận nên hiện nay không có cơ sở để buộc tội, mà các bị cáo chỉ thừa nhận lấy 03(ba) máy tính xách tay, 01(một) sợi dây chuyền vàng 18K, 01 (một) nhẫn cưới vàng 18K, 01 (một) nhẫn của em bé vàng 18K, 01 (một) đôi bông tai nữ vàng 18K, 01 (một) đôi bông tai nữ bằng bạc và số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)

Điều tra viên đã làm việc với anh Trần Văn T là bị hại "trong vụ thứ 2" khai báo, vào ngày 26/04/2018 trong nhà anh bị mất những tài sản: 01 (một) ti vi hiệu Sony, 01(một) máy ảnh hiệu Canon bị hỏng, 02(hai) chỉ vàng 24K và 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Nhưng hai bị cáo T và K không thừa nhận lấy thêm những tài sản trên, nên không có cơ sở để buộc tội, mà hai bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt 01 (một)Ti vi hiệu sony, 01 (một) máy ảnh Canon và 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Về vật chứng vụ án:

Ngày 09/6/2018, anh Ngô Thanh T giao nộp cho cơ quan CSĐT công an TX P 01 đoạn dây xích dài khoảng 50 cm, đoạn dây xích được bọc ở ngoài bằng nhựa, ở một đầu dây xích có gắn một ổ khóa nhãn hiệu Ralux, thân ổ khóa màu vàng, đầu ổ khóa màu trắng. Ngày 14/8/2018, bị cáo Đỗ Văn K giao nộp cho cho cơ quan CSĐT 01 tuýp ống điếu, phi 8 dài khoảng 10cm hình chữ L màu trắng và 01 cây đoản bằng sắt màu trắng, đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹp là công cụ mà K sử dụng để trộm cắp tài sản. Hiện số đồ vật trên đã được chuyển đến chi cục thi hành án dân sự TX P bảo quản chờ xử lý.

Đồng thời ngày 14/8/2018, chị Bùi Thị T, sinh năm 1990, trú tại Kp M, phường M, TX P là vợ bị cáo T1 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT công an TX P 01 xe mô tô màu cam BKS 72E1 – 57187 mà T1 và đồng phạm đã trộm cắp của anh P trước đó. Ngày 18/10/2018, cơ quan CSĐT công an TX P đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu là anh Phan Hoàng P.

Ngày 28/8/2018 bị cáo Phạm Văn T giao nộp cho CQCSĐT 01 xe mô tô hiệu Winner, BKS 72E1-410.03. Ngày 13/9/2018, cơ quan CSĐT công an TX P đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu là anh Phan Bá C.

Ngày 03/10/2018, chị Trần Hoàng S đã giao nộp cho cơ quan CSĐT công an TX P 01 áo thu màu đen đã bị rách mất cổ áo và 02 tay áo, chiều dài áo: 54cm, chiều rộng 47 cm. Hiện áo trên đã được chuyển đến chi cục thi hành án dân sự TX P bảo quản chờ xử lý.

Ngày 24/10/2018, chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1997, trú tại Kp M, phường M, TX P, là vợ của bị cáo K đã tự nguyện giao nộp 01 ti vi hiệu Sony màu đen, màn hình 43 inch và 01 loa kẹo kéo Phúc Lộc màu đen, mặt loa trước màu vàng sẫm. Đến ngày 15/11/2018, ông Cao Văn C đã giao nộp cho cơ quan CSĐT công an TX P 01 máy ảnh hiệu Canon màu đen. Ông C cho biết vào ngày 26/04/2018 có một người thanh niên tên T mang đến tiệm của ông nhờ ông sửa máy ảnh hiệu Canon A 2100 IS, do máy ảnh bị hư nguồn. Nay ông C đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra Công an thị xã P để xử lý cùng vụ án. Ngày 23/11/2018, cơ quan CSĐT công an TX P đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Văn T 01 ti vi hiệu Sony màu đen, màn hình 43 inch và 01 máy ảnh hiệu Canon; Trả lại cho anh Võ Trung T 01 loa kẹo kéo.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số: 72E1-566.04 mà K sử dụng làm phương tiện phạm tội, chị Nguyễn Thị Anh T là vợ của bị cáo Đỗ Văn K cho biết chiếc xe trên do chị T đứng tên chủ sở hữu, xe này do bố mẹ ruột mua cho T. Việc K dùng chiếc xe trên để làm phương tiện đi Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản,T không có biết và hiện nay chiếc xe mô tô trên T đã bán trước khi K bị bắt, nên hiện nay cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ chiếc xe nói trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phan Bá C, anh Phan Hoàng P, anh Nguyễn Chí D, anh Nguyễn Văn P, chị Hà Thị Mỹ H, chị Trần Hoàng S, chị Dương Ngọc B không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về tài sản bị chiếm đoạt. Anh Võ Trung T, anh Nguyễn Văn H, anh Thạch Hoàng Thanh T, anh Trần Văn T và anh Ngô Thanh T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo kết quả định giá.

Đối với ông Nguyễn Lê Đình L (Sn: 1980, HKTT: Lô X, Chợ C, xã T, thị xã P, BR-VT) là chủ tiệm vàng P và ông Lê Công B là người quản lý tiệm vàng "Đ" ở Kp Ô, phường T, thị xã P, BR-VT có hành vi tiêu thụ tài sản là vàng do K và T mang đến, quá trình điều tra cả ông L và ông B đều cho biết do lượng khách hàng tới trao đổi, mua bán nhiều nên việc anh L và anh B không thể nhớ là hai bị cáo T và K có đến tiệm vàng của mình bán hay không nên không có cơ sở để ra Quyết định thu giữ vật chứng đối với số vàng nói trên và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông L và ông B về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại điều 323 BLHS 2015.

Đối với đối tượng tên Nguyễn Thanh K và đối tượng tên N, do hiện nay không có mặt ở địa phương, cơ quan CSĐT công an TX P chưa tiến hành làm việc được nên chưa có cơ sở để xử lý về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục điều tra xác minh, khi nào đủ cơ sở sẽ xử lý theo quy định của pháp luật .

Riêng bị cáo Nguyễn Thanh T1 trước đó có mua 01 chiếc xe mô tô của K và giới thiệu cho N đến mua 01 xe của K bán, nhưng lúc đó T1 không biết đây là xe mô tô do K trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã P không khởi tố bổ sung về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 02/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Pđã truy tố Đỗ Văn K, Phạm Văn T về tội "Cướp giật tài sản" quy định tại

điểm d khoản 2 điều 171 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Đỗ Văn K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và truy tố Nguyễn Thanh T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Văn K, Phạm Văn T, Nguyễn Thanh T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Đỗ Văn K, Phạm Văn T phạm tội "Cướp giật tài sản";

Áp dụng khoản 3 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo Đỗ Văn K mức án từ 07 năm 06 tháng đến 8 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo Đỗ Văn K mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản"; Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Đỗ Văn K;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo Phạm Văn T mức án từ 4 đến 5 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo Phạm Văn T mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản"; Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Phạm Văn T;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo Nguyễn Thanh T1 mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết;

Về xử lý vật chứng: cần tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây xích đã cũ, 01 áo thun màu đen đã rách, 01 tuýp ống điếu, 01 cây đoản bằng sắt do không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Chí D không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Văn K, Phạm Văn T đồng ý bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại Nguyễn Văn H, Ngô Thanh T, Thạch Hoàng Thanh T và Võ Trung T theo giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đã xác định.

Bị cáo T và K chỉ thừa nhận chiếm đoạt 01 (một) ti vi hiệu sony, 01 (một) máy ảnh Canon và 4.000.000 đồng của bị hại trần văn t và các bị cáo đồng ý bồi thường theo giá tài sản mà Hội đồng định giá tài sản đã xác định.

Các bị cáo Đỗ Văn K, Phạm Văn T và Nguyễn Thanh T1 không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết luận giám định hay các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh,

không oan, các bị cáo nói lời sau cùng: đều xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an và Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh:

[2.1] Về tội "Trộm cắp tài sản":

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018, trên địa bàn thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Đỗ Văn K, Phạm Văn T và Nguyễn Thanh T1 đã có hành lén lút chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại; cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 18 giờ, ngày 06/08/2018, tại kp V, phường P, thị xã P, Đỗ Văn K và Nguyễn Thanh T1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 72 F1-571.87 hiệu Yamaha, loại xe Exciter màu cam đen anh của Phan Hoàng P trị là: 46.550.000 đồng;

Vụ thứ 2: Vào khoảng 9 giờ, ngày 26/04/2018, tại tổ X, kp T, phường P, thị xã P, Đỗ Văn K và Phạm Văn T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của Trần Văn T chiếm đoạt 01 (một) tivi màu đen-xám loại 43 inches, hiệu Sony trị giá 10.320.000 đồng. Riêng T có hành vi lén lút chiếm đoạt thêm số tiền 4.000.000 đồng của anh T cho riêng cá nhân mình;

Vụ thứ 03: Vào khoảng 17 giờ, ngày 22/05/2018, tại nhà của anh Nguyễn Văn P ở tại tổ X, Kp P, phường M, thị xã P, Phạm Văn T và Đỗ Văn K đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô loại Sirius màu đỏ, đen BKS 72E1-318.06 của anh P trị giá 14.700.000 đồng;

Vụ thứ 4: Khoảng 17 giờ, ngày 26/ 05/2018, tại nhà của chị Hà Thị Mỹ H ở tại Kp M, phường M, thị xã P, Phạm Văn T đã hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Luvias, màu tím, đen, BKS: 72F1-008.20 của chị H trị giá 10.800.000 đồng;

Vụ thứ 05: Khoảng 14 giờ, một ngày trong tháng 5/2018, tại dãy phòng trọ ở con hẻm thuộc kp M, phường M, thị xã P, Phạm Văn T và Đỗ Văn K đã lén lút chiếm đoạt của anh Ngô Thanh T xe mô tô loại Wave, màu bạc mang biển số: 72E1-030.48 trị giá 10.058.000 đồng;

Vụ thứ 06: Vào khoảng 13 giờ, ngày 27/05/2018, tại tổ X, kp P, phường M, thị xã P, Phạm Văn T và Đỗ Văn K đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu trắng - đen, BKS: 72E1-075.48 của anh Thạch Hoàng Thanh T có trị giá 11.500.000 đồng;

Vụ thứ 07: Khoảng 18 giờ, ngày 02/06/2018, tại dãy trọ ở kp T, phường P, thị xã P, Phạm Văn T và Đỗ Văn K đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe SIRIUS màu đỏ đen, BKS: 72E1-190.63 của anh Huỳnh Chí D trị giá 13.200.000 đồng;

Vụ thứ 08: Khoảng 23 giờ ngày 12/06/2018, tại nhà của anh Nguyễn Văn H ở tại Kp T, phường M, thị xã P, BR-VT, Phạm Văn T và Đỗ Văn K đã có hành vi đột nhập vào nhà chiếm đoạt 01 (một chiếc máy tính xách tay hiệu Asus có giá trị: 5.520.000 đồng, 01 (một) nhẫn nữ hình bông mai, có trọng lượng 0,8 chỉ vàng 18K có giá trị: 2.198.800 đồng, 01 (một) mặt dây chuyền hình trái tim có trọng lượng 0,5 chỉ vàng 18K có giá trị: 1.373.750 đồng của anh Hoàng;

Vụ thứ 09: Vào khoảng 8 giờ ngày 24/06/2018, tại nhà của anh Võ Trung T ở tại tổ X, kp T, phường P, thị xã P, BR-VT, Phạm Văn T đã có hành vi đột nhập vào nhà anh Toàn chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu KaWasaki loại Max II, biển số: 51T1-5487 có giá trị: 2.000.000 đồng và 01 loa kéo Karaoke có giá trị 8.860.500 đồng của anh Toàn;

Vụ thứ 10: Vào khoảng 22 giờ ngày 24/06/2018 tại nhà chị Hà Thị Mỹ H ở Kp M, phường M, thị xã P, Phạm Văn T và Đỗ Văn K đã có hành vi đột nhập vào bên trong chiếm đoạt 01 máy tính hiệu HP màu bạc có giá trị: 13.440.000 đồng, 01 máy tính xách tay hiệu Dell Core I3, màu đen có giá trị: 3.600.000 đồng, 01 máy tính xách tay hiệu Dell Core I7 màu bạc có giá trị: 19.200.000 đồng, 01 (một) sợi dây chuyền 2 chỉ vàng 24K có giá trị 7.202.000 đồng, 02 hoa tai bằng vàng 24K có giá trị 3.601.000 đồng; 01 lắc tay bằng vàng 24K có giá trị 7.202.000 đồng và số tiền mặt 7.000.000 đồng của chị H;

Vụ thứ 11: Vào khoảng 16 giờ, ngày 01/08/2018, tại nhà anh Phan Bá C ở kp P, phường M, TX P, Phạm Văn T và Đỗ Văn K đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Winner, BKS 72E1 - 410.03 của anh Chương trị giá 40.800.000 đồng.

Các hành vi trên của các bị cáo: K, T và T1 đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[2.2] Về tội "Cướp giật tài sản":

Vào khoảng 19 giờ một ngày trong tháng 4/2018 (không nhớ rõ ngày), tại khu phố N, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, K và T đã có hành vi ngồi trên xe mô tô dùng tay giật sợi dây chuyền của chị Trần Hoàng S đang đeo trên cổ, trị giá 9.020.000 đồng, rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Hành vi trên của các bị cáo: K và T đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về áp dụng khung hình phạt đối với tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Cướp giật tài sản" của từng bị cáo:

[3.1] Về áp dụng khung hình phạt đối với tội "Trộm cắp tài sản":

[3.1.1] Đối với Đỗ Văn K:

Căn cứ vào các Kết luận giám định của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thị xã P về số tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt thì xác định được tổng giá trị tài sản mà bị cáo K cùng các bị cáo T1, T đã chiếm đoạt của các bị hại là: 217.465.550

đồng; do đó, Hội đồng xét xét xử áp dụng khung hình phạt là khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo K.

[3.1.2] Đối với Phạm Văn T:

Căn cứ vào các Kết luận giám định của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thị xã P về số tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt thì xác định được tổng giá trị tài sản mà bị cáo T cùng bị cáo K đã chiếm đoạt của các bị hại là 196.576.050 đồng; do đó, Hội đồng xét xét xử áp dụng khung hình phạt là điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo T.

[3.1.3] Đối với Nguyễn Thanh T1:

Căn cứ vào các Kết luận giám định của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thị xã P về số tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt thì xác định được tổng giá trị tài sản mà bị cáo T1 cùng bị cáo K đã chiếm đoạt của bị hại là: 46.550.000 đồng; do đó, Hội đồng xét xét xử áp dụng khung hình phạt là khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo T1.

[3.2] Về áp dụng khung hình phạt đối với tội "Cướp giật tài sản":

Bị cáo K và bị cáo T đã sử dụng xe mô tô làm phương tiện để cướp giật tài sản, nên thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với các bị cáo K và T.

[4] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì thấy:

Các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, liều lĩnh và do tham lam tư lợi. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Xét tính đồng phạm và vai trò của từng bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức, không có sự phân công, bàn bạc mà thực hiện tội phạm mang tính tự phát, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Trong mỗi vụ việc, bị cáo K, bị cáo T và bị cáo T1 đều là người rủ rê và trực tiếp tham gia chiếm đoạt tài sản, cùng được chia cho nhau số tiền sau khi bán được tài sản chiếm đoạt được. Tuy nhiên, bị cáo K trực tiếp tham gia 10 vụ trộm cắp tài sản, 01 vụ cướp giật tài sản, giá trị tài sản lớn nhất và áp dụng khung hình phạt là khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; tiếp đến là bị cáo T có nhân thân xấu, tham gia 11 vụ trộm cắp tài sản, 01 vụ cướp giật tài sản, giá trị tài sản lớn và áp dụng khung hình phạt là khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo T1 tham gia 01 vụ trộm cắp tài sản; do đó, mức án đối với bị cáo K phải cao hơn bị cáo T, bị cáo T1.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo K, T và T1 đều có 01 tiền án chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội; nên cần áp dụng tình tiết tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo K, T và T1.

Trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo K cố ý phạm tội 10 lần về cùng tội phạm, bị cáo T cố ý phạm tội 11 lần về cùng tội phạm và đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính; nên cần áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo K và T.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo K, T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự khai báo ra hành vi phạm tội trước đó; do đó, cần áp dụng điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo K và T.

Bị cáo T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo T1.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, xét xử, các bị hại: Ông (bà) Phan Bá C, Phan Hoàng P, Nguyễn Chí D, Nguyễn Văn P, Hà Thị Mỹ H, Trần Hoàng S, Dương Ngọc Bích không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về tài sản bị chiếm đoạt, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo K, T đồng ý bồi thường thiệt hại (theo giá trị do Hội đồng định giá tài sản đã xác định) cho ông Trần Văn H số tiền 9.092.550 đồng, cho ông Ngô Thanh T số tiền 10.058.000 đồng và cho ông Thạch Hoàng Thanh T số tiền 11.500.000 đồng nên ghi nhận là phù hợp. Tuy nhiên, do không xác định được mức độ lỗi của mỗi bị cáo, nên căn cứ vào Điều 587 Bộ luật dân sự, buộc mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo phần bằng nhau.

Bị cáo T đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Trần Văn T số tiền 4.000.000 đồng; cho ông Võ Trung T giá trị chiếc xe mô tô loại Max II (theo giá trị do Hội đồng định giá tài sản đã xác định) với số tiền 2.000.000 đồng nên ghi nhận là phù hợp.

Việc bị hại Trần Văn T cho rằng tài sản bị mất còn có: 25.000.000 đồng và 02 chỉ vàng, nhưng các bị cáo K, T không thừa nhận nên không có cơ sở để buộc 02 bị cáo phải bồi thường.

[8] Về xử lý vật chứng:

01 đoạn dây xích đã cũ, 01 áo thun màu đen đã rách, 01 tuýp ống điếu, 01 cây đoản bằng sắt không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí:

Bị cáo Đỗ Văn K phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 766.000đ (Bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.066.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo Nguyễn Thanh T1 phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Văn K, Phạm Văn T, Nguyễn Thanh T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Đỗ Văn K, Phạm Văn T phạm tội "Cướp giật tài sản".

[1.1] Áp dụng khoản 3 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo Đỗ Văn K 07 (Bảy) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2018;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo Đỗ Văn K 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2018;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Đỗ Văn K là 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2018.

[1.2] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo Phạm Văn T 4 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2018;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo Phạm Văn T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2018;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Phạm Văn T 08 (Tám) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2018.

[1.3] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo Nguyễn Thanh T1 02 (Hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Đỗ Văn K, Phạm Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Trần Văn H số tiền 9.092.550đ (Chín triệu không trăm chín mươi hai ngàn năm trăm năm mươi đồng), tương ứng mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền: 4.546.275đ (Bốn triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm bảy mươi lăm đồng);

Buộc bị cáo Đỗ Văn K, Phạm Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Ngô Thanh T số tiền 10.058.000đ (Mười triệu không trăm năm mươi tám ngàn đồng), tương ứng mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền: 5.290.000đ (Năm triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng).

Buộc bị cáo Đỗ Văn K, Phạm Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Thạch Hoàng Thanh T số tiền 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng), tương ứng mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền: 5.750.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Trần Văn T số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Võ Trung T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây xích, 01 áo thun màu đen, 01 tuýp ống điếu, 01 cây đoản bằng sắt.

(Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Pquản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 29 ngày 25/01/2019).

[4] Án phí:

Bị cáo Đỗ Văn K, Phạm Văn T, Nguyễn Thanh T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đỗ Văn K phải nộp 779.000đ (Bảy trăm bảy mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 1.079.000đ (Một triệu không trăm bảy mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án (đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thị xã P;
- Công an thị xã P;
- Thi hành án dân sự thị xã P;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Xuân Long